

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 6 - 2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Ngoãn và ông Trần Văn Hiều.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Hiều - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2020/TLST - HNGĐ ngày 06/3/2020 về
việc: “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
27/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị P**, sinh năm 1993 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Lê Duy T**, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và trong quá trình tố tụng tại Tòa án
cũng như tại phiên tòa nguyên đơn - chị Vũ Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Duy T tự do tìm hiểu và tự nguyện
kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T đăng ký kết hôn vào
ngày 30 tháng 8 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau cùng
gia đình anh T, cuộc sống chung vợ chồng ngay từ những ngày đầu đã không
hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau
dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, thậm chí còn xảy ra xô xát, anh T nhiều
lần vất quần áo của chị ra ngoài và đuổi chị đi. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng
trầm trọng nên đến năm 2014 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã N để sinh sống từ đó
đến nay không chung sống cùng anh T nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, không thể quay lại chung sống anh T được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có một con chung là Lê Thị Ngọc Huyền S, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2013 hiện đang học tập và sinh hoạt cùng anh T và gia đình nhà nội ở xã T. Ly hôn chị đồng ý nhường con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng để tránh sự xáo trộn trong học tập và sinh hoạt của con chung.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Chị và anh T không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt có xác nhận của ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, bị đơn – anh Lê Duy T trình bày: Anh được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình thông báo cho biết, hiện nay Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị Vũ Thị P. Do điều kiện công việc của anh rất bận mải nên anh không thể lên Tòa án làm việc được nên anh viết đơn này để trình bày ý kiến của mình cho quý Tòa được biết và anh cũng xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Quan điểm của anh T về các vấn đề cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị P tự nguyện kết hôn với nhau, được ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 8 năm 2012. Sau khi kết hôn anh và chị P chung sống với nhau không hòa thuận, chị P đã tự ý bỏ chồng bỏ con đi theo người khác khi con chung mới được 02 tuổi. Nay xác định tình cảm giữa anh và chị P không còn, anh đồng ý ly hôn chị P.

Về quan hệ con chung: Anh và chị P có 01 con chung là Lê Thị Ngọc Huyền S, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2013, kể từ khi chị P bỏ đi đến nay con S vẫn do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh có nguyện vọng vẫn tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ: Anh và chị P không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản lấy lời khai của bố đẻ anh T là ông Lê Xuân R ngày 10 tháng 4 năm 2020, ông R trình bày: Chị P và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã n, huyện T, tỉnh Thái Bình vào năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chị P anh T chung sống cùng gia đình ông ở thôn R, xã T, huyện T. Do tính cách vợ chồng không hợp nhau, chị P đã nhiều lần bỏ nhà đi không quan tâm đến chồng con, ông đã bảo anh T đi đón chị P về nhưng chị P về rồi lại bỏ đi không chung sống cùng anh T. Quá trình chung sống chị P và anh T có một con chung Lê Thị Ngọc Huyền S, sinh ngày 24/01/2013, hiện đang ở cùng anh T và gia đình ông. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh T ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị P và anh T được ly hôn, giao con chung Lê Thị Ngọc Huyền S cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại biên bản xác minh ngày 10 tháng 4 năm 2020, ủy ban nhân dân xã Tây Phong, huyện T, tỉnh Thái Bình cung cấp như sau: Năm 2012 anh Lê Duy T

và chị Vũ Thị P có tổ chức lễ cưới tại địa phương và đăng ký kết hôn tại xã N, huyện T (nơi sinh của chị P). Sau khi kết hôn vợ chồng chị P anh T chung sống với nhau tại thôn R, xã T, huyện T. Quá trình chung sống vợ chồng chị P anh T có một con chung là Lê Thị Ngọc Huyền S, sinh ngày 24/01/2013, hiện đang ở cùng anh T và gia đình ông bà nội. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn là chị P đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh Lê Duy T thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn anh Lê Duy T. Giao cho anh Lê Duy T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Ngọc Huyền S, sinh ngày 24/01/2013, anh T không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị nên việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là chị Vũ Thị P khởi kiện xin ly hôn anh Lê Duy T, anh T có hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của chị P là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Lê Duy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị P và anh Lê Duy T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày

30/8/2012 xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị P anh T chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2014 chị P và anh T chính thức sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị P và anh T đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị P, xử cho chị P được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét thấy, hiện tại con chung của chị Vũ Thị P và anh Lê Duy T là Lê Thị Ngọc Huyền S, sinh ngày 24/01/2013 hiện đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, chị P đồng ý nhường con chung cho anh T trực tiếp nuôi con dưỡng và cháu Lê Thị Ngọc Huyền S cũng có nguyện vọng được ở cùng anh T được thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2020. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của anh T, chị P và cháu S: Giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật Hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung và công nợ: Không có.

Về án phí: Chị Vũ Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn anh Lê Duy T.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Duy T trực tiếp nuôi con chung là Lê Thị Ngọc Huyền Sang, sinh ngày 24/01/2013. Anh T không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh nên việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Chị Lê Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị P phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị P đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009434 ngày 06/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Vũ Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 10 tháng 6 năm 2020. Anh Lê Duy T có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- UBND xã Nam Trung;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi